

Bản án số: 133/2025/DS-PT

Ngày 10-6- 2025

V/v “Tranh chấp di sản thừa kế,
tranh chấp quyền sử dụng đất và
tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua
bất động sản liền kề”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Bằng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng

Bà Đào Thị Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*
Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp di sản thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09A/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh H, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2022).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn S, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2022).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1949 (có mặt).

Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Ông Lê Bé N, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông N: Ông Nguyễn Lê N1, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà Lê Thanh T, sinh năm 1977 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4. Bà Lê Thanh N2, sinh năm 1971 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

5. Bà Lê Thanh T1, sinh năm 1969 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

6. Bà Lê Kim H2, sinh năm 1981 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

7. Bà Lê Thị Mỹ H3 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

8. Bà Lê Thanh H4, sinh năm 1979 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

9. Bà Lê Thị B, sinh năm 1944.

Địa chỉ: khu V K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Minh H, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 27/7/2023).

10. Bà Lê Thị Trúc L (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

11. Bà Lê Ngọc T2 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

12. Bà Phan Thị S1 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
13. Ông Đinh Công Q, sinh năm 1979 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
14. Ông Đinh Công D (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
15. Ông Đinh Công N3 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
16. Ông Lê Thanh T3 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
17. Ông Lê Thanh N4 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
18. Ông Lê Thanh S2 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
19. Bà Lê Thị P (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
20. Bà Lê Thị Thanh T4 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
21. Ông Huỳnh Văn M1 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
22. Bà Huỳnh Thị Huỳnh N5 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
23. Ông Lê Minh T5 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- *Người kháng cáo:* bà Lê Thị C là nguyên đơn; ông Lê Bé N, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thanh T1, bà Lê Thanh N2, bà Lê Thanh T, bà Lê Thanh H4, bà Lê Kim H2 và bà Lê Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/10/2022, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày như sau:

Bà Lê Thị C là con ruột của cụ Lê Ngọc C1 (đã chết) và cụ Bùi Thị C2 (chết năm 2010). Cả cụ C1 và cụ C2 chết đều không để lại di chúc.

Trong thời gian chung sống cụ C1 và cụ C2 có với nhau 08 người con chung, cụ thể như sau:

1. Người con đầu chết lúc còn nhỏ;
2. Bà Lê Thị N6, sinh năm 1941 (chết năm 2018);
3. Bà Lê Thị B, sinh năm 1944;
4. Ông Lê Văn N7, sinh năm 1947 (chết năm 2022);
5. Ông Lê Văn S3, sinh năm 1948 (chết năm 2011);
6. Ông Lê Văn B1, sinh năm 1951 (chết năm 2000);
7. Bà Lê Thị C, sinh năm 1954;
8. Ông Lê Văn S, sinh năm 1958.

Lúc sinh thời cụ C2 có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B201321, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 000073 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Bùi Thị C2 ngày 20/9/1993. Tuy nhiên, phần đất này hiện nay đã được chỉnh lý biến động sang tên ông Trần Văn S4.

Trên phần đất cụ C2 chết để lại có căn nhà của bà C xây dựng trên phần đất có diện tích 300m² (chiều ngang 10m, chiều dài ra đến đường công cộng) thuộc một phần thửa đất số 739. Phần diện tích đất này bà C được cha mẹ cho lúc còn sống, đã xây dựng nhà kiên cố, sử dụng ổn định sau năm 1975. Quá trình sử dụng đất thì bà C có đóng thuế cho Nhà nước từ trước cho đến nay.

Ngoài ra, gia đình bà C còn được quyền sử dụng thửa đất số 150, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang nhưng bị vây bọc bởi các thửa đất số 739, 738, 736 mà ông Lê Văn S đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Bà Lê Thị N8 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu Tòa án công nhận cho bà C được quyền sử dụng đất, có diện tích khoảng 300m², chiều ngang 10m, chiều dài tiếp giáp với lộ nông thôn (lộ nhựa cặp kênh B), thuộc một phần thửa đất số 739, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Yêu cầu Tòa án thực hiện chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần di sản là bất động sản của bà Bùi Thị C2 có tổng diện tích là 17.673,1m², gồm các thửa đất số 739, 738 và 736 thuộc tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B201321, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 000073 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Bùi Thị C2 ngày 20/9/1993. Chia cho bà C nhận một suất thừa kế bằng hiện vật, cụ thể là phần đất có diện tích tạm tính 2.524,7m² tại thửa đất 739.

3. Yêu cầu Tòa án giải quyết mở lối đi từ thửa đất của gia đình bà C (thửa đất 150, tờ bản đồ số 09) ra đến lộ giao thông công cộng qua các thửa đất số 739, 738, 736. Lối đi tối thiểu ngang 2m dài ra đến lộ giao thông công cộng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn S trình bày:

Đối với yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 300m², kể cả lối đi ra lộ của bà C thì ông S đồng ý. Tuy nhiên, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế và yêu cầu mở lối đi ông S không đồng ý, do phần đất ông S đứng tên là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 18/8/2023 bà Lê Thị B trình bày:

- Yêu cầu Toà án giải quyết tuyên Văn bản uỷ quyền giữa bà Bùi Thị C2 và ông Lê Văn S vô hiệu.

- Yêu cầu Toà án kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B201321, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 000073 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Bùi Thị C2 ngày 20/9/1993 và cấp lại cho các đồng thừa kế của bà Bùi Thị C2.

- Chia cho bà B nhận một suất thừa kế bằng hiện vật, cụ thể là phần đất có diện tích tạm tính là 2.524,7m² tại thửa đất 739. Bà B tự nguyện tặng cho lại suất thừa kế mình được chia cho bà C được toàn quyền sử dụng.

2. Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 18/8/2023 ông Lê Bé N, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thanh T1, bà Lê Thanh N2, bà Lê Thanh T, ông Lê Thanh H4 và bà Lê Kim H2 thống nhất trình bày:

Yêu cầu Toà án giải quyết công nhận cho các đương sự được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số III, diện tích 233,5m² và phần đất tại vị trí số IV có diện tích 223,3m² thuộc thửa đất số 739, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang (theo Mảnh trích đo địa chính ngày 15/6/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ.

3. Bà Phan Thị S1 và bà Lê Thị Trúc L thống nhất trình bày:

Bà S1 là vợ, còn bà L là con của ông Lê Thanh T6 (ông T6 là con của ông Lê Văn N7). Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và thừa kế giữa bà C với ông S thì bà S1 và bà L không có tranh chấp gì. Lúc còn sống thì cụ C2 đã cho đất các con, còn phần nền nhà và phần đất ông N7 sang bán của bà C2 thì đề nghị giải quyết theo quy định.

4. Ông Đinh Công Q, ông Đinh Công N3, ông Đinh Công D thống nhất trình bày:

Ông Q, ông N3 và ông D là con của bà Lê Thị N6 (đã chết), việc cụ C2 cho lại ông S phần đất hiện nay ông S đang quản lý thì các đương sự có nghe bà N6 nói lại là cụ C2 có cho đất ông S. Việc tranh chấp giữa bà C với ông S các đương sự không có ý kiến gì, đồng thời các đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án này.

4. Ông Lê Thanh T3, ông Lê Văn N9, ông Lê Văn S5 thống nhất trình bày:

Ông T3, ông N9, ông S5 là con của ông Lê Văn S3 (chết 2012), hiện tại các đương sự có cất nhà trên phần đất ông S đang quản lý. Việc tranh chấp giữa

bà C với ông S các đương sự không có ý kiến gì, đồng thời các đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2024/DS-ST ngày 23/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C về tranh chấp quyền sử dụng đất. Công nhận cho bà Lê Thị C phần đất có tổng diện tích 300m², trong đó có diện tích nhà 158,4m², tại vị trí nhà 5 và đường đi ra lộ 2m từ nhà bà C ra tới lộ giao thông tại vị trí I (kèm theo Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH Đ, bản đồ Tín Phát).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu mở lối đi chiều ngang 2m, chiều dài từ nhà bà C đến phần đất thửa 737 cũ (nay là thửa 150) của bà Lê Thị C.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất hiện do ông S đứng tên với diện tích 2.524,7m².

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị B chia thừa kế quyền sử dụng đất với diện tích 2.524,7m².

5. Tách yêu cầu giữa ông Lê Thanh N4, ông Lê Thanh T3, ông Lê Thanh S2 (con ông Lê Văn S3) và ông Lê Văn S về tranh chấp quyền sử dụng đất ra giải quyết thành một vụ kiện khác khi có tranh chấp.

6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người thừa kế của ông Lê Văn N7 và ông Lê Văn S về việc tranh chấp quyền sử dụng đất tại vị trí số IV và vị trí III.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Trong hạn luật định, nguyên đơn bà Lê Thị C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B, ông Lê Bé N, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thanh T1, bà Lê Thanh N2, bà Lê Thanh T, bà Lê Thanh H4 và bà Lê Kim H2 có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2024/DS-ST ngày 23/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Các đương sự có kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết như sau:

- Bà Lê Thị C yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết: sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho nguyên đơn một phần thửa đất số 739, thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, tại vị trí I theo Mảnh trích đo địa chính ngày 15/6/2023 của Công ty TNHH Đ, có diện tích 442m². Yêu cầu Toà án thực hiện chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần di sản là bất động sản của bà Bùi Thị C2 có tổng diện tích là 17.673,1m², gồm các thửa đất số 739, 738 và 736 thuộc tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B201321, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 000073 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Bùi Thị C2 ngày 20/9/1993. Chia cho bà C nhận một suất thừa kế bằng hiện vật, cụ thể là phần

đất có diện tích tạm tính 2.524,7m² tại thửa đất 739. Yêu cầu Toà án giải quyết mở lối đi cho bà C từ thửa đất 150, tờ bản đồ số 09) ra đến lộ giao thông công cộng qua các thửa đất số 739, 738, 736. Lối đi tối thiểu ngang 2m dài ra đến lộ giao thông công cộng.

- Bà Lê Thị B yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà B. Tuyên Văn bản uỷ quyền giữa bà Bùi Thị C2 và ông Lê Văn S vô hiệu. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B201321, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 000073 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Bùi Thị C2 ngày 20/9/1993 và cấp lại cho các đồng thừa kế của bà Bùi Thị C2. Chia cho bà B nhận một suất thừa kế bằng hiện vật, cụ thể là phần đất có diện tích tạm tính 2.524,7m².

- Ông Lê Bé N, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thanh T1, bà Lê Thanh N2, bà Lê Thanh T, bà Lê Thanh H4 và bà Lê Kim H2 yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của các đương sự. Công nhận cho ông Lê Bé N được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số III, diện tích 233,5m² và phần đất tại vị trí số IV có diện tích 223,3m² thuộc thửa đất số 739, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang (theo Mảnh trích đo địa chính ngày 15/6/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ).

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập giữ nguyên yêu cầu độc lập; người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về nội dung tranh chấp.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang cho rằng:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: quá trình giải quyết vụ án Toà án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, đồng thời cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, cấp phúc thẩm cần chấp nhận một phần kháng cáo của người kháng cáo huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Lê Thị C, bà Lê Thị B, ông Lê Bé N, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thanh T1, bà Lê Thanh N2, bà Lê Thanh T, bà Lê Thanh

H4 và bà Lê Kim H2 nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận và xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị C, bà Lê Thị B, ông Lê Bé N, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thanh T1, bà Lê Thanh N2, bà Lê Thanh T, bà Lê Thanh H4 và bà Lê Kim H2. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu được công nhận phần đất có diện tích khoảng 300m², chiều ngang 10m, chiều dài tiếp giáp với lộ nông thôn (lộ nhựa cặp kênh B), thuộc một phần thửa đất số 739, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/3/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm (bút lục số 194) thể hiện: phần vị trí đất tranh chấp do bà C xác định được giới hạn bởi 04 cọc cây và cạnh ngang mặt tiền giáp với lộ nông thôn (không được ký hiệu bằng số thứ tự). Tuy nhiên, tại Mảnh trích đo địa chính số 63-2023 ngày 21/6/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ thể hiện: phần đất tranh chấp giữa bà Lê Thị C và ông Trần Văn S4 có diện tích 300m² thuộc thửa 739 được ký hiệu là vị trí số I. Về hình thể, vị trí đất tranh chấp thể hiện trong biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ so với M2 trích đo địa chính là không phù hợp. Cụ thể: theo hình thể vị trí đất tranh chấp thể hiện trong mảnh trích đo địa chính thì cạnh ngang mặt tiền tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 739, chỉ có phần lồi đi là tiếp giáp với đường lộ nông thôn. Mặt khác, các cạnh của phần đất tranh chấp được ký hiệu tại vị trí số I trong Mảnh trích đo địa chính chưa được ghi kích thước đầy đủ tất cả các cạnh. Từ đó cho thấy: cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc xem xét, thẩm định tại chỗ xác định vị trí, diện tích, kích thước các cạnh của phần đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

[2.2] Nguyên đơn bà Lê Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B cùng có yêu cầu được chia và nhận một suất thừa kế bằng hiện vật, cụ thể là phần đất có diện tích tạm tính 2.524,7m² tại thửa đất 739. Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu bà C và bà B xác định vị trí đất bà C và bà B được chia trên thực địa để xác định cụ thể vị trí, diện tích, tứ cận phần đất các đương sự yêu cầu chia và tài sản có trên đất để làm căn cứ xem xét toàn diện yêu cầu chia thừa kế của các đương sự là thiếu sót.

[2.3] Bà Lê Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết mở lối đi từ thửa đất của gia đình bà C (thửa đất 150, tờ bản đồ số 09) ra đến lộ giao thông công cộng qua các thửa đất số 739, 738, 736. Lối đi tối thiểu ngang 2m dài ra đến lộ giao thông công cộng. Xét thấy: thửa đất số 150 hiện tại người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Võ Ngọc P1. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa ông P1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, cấp sơ thẩm cũng không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và xác định vị trí tiếp giáp tứ cận của thửa đất số 150 để làm cơ sở xem xét thửa đất nêu trên có bị vây bọc bởi các thửa đất của các chủ sử dụng đất liền kề hay không. Đồng thời cấp sơ thẩm cũng chưa xác định vị trí phần đất bà C yêu cầu mở lối đi nằm ở vị trí nào, thuộc

thửa đất nào, diện tích là bao nhiêu là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 101 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Thửa đất 739 mà các đương sự có tranh chấp thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B201321, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 000073 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Bùi Thị C2 ngày 20/9/1993 có diện tích 5.250m², bao gồm 02 loại đất là đất thổ cư (4T) và đất lâu năm khác (LNK). Trong quá trình thu thập chứng cứ, cấp sơ thẩm chưa yêu cầu cơ quan chuyên môn xác định cụ thể phần diện tích đất thổ cư và đất lâu năm khác của thửa đất nêu trên có diện tích là bao nhiêu để làm cơ sở xác định giá trị tài sản tranh chấp, đồng thời cũng chưa xác định vị trí phần đất thổ cư nằm tại vị trí nào trên thửa đất 739 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.5] Từ những phân tích như nêu trên cho thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, đồng thời cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, cấp phúc thẩm cần chấp nhận một phần kháng cáo của người kháng cáo huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.6] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[2.8] Về án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị C, ông Lê Bé N, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thanh T1, bà Lê Thanh N2, bà Lê Thanh T, bà Lê Thanh H4, bà Lê Kim H2 và bà Lê Thị B.

2. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: sẽ được xem xét lại khi giải quyết lại vụ án.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Lê Thị C, ông Lê Bé N, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thanh T1, bà Lê Thanh N2, bà Lê Thanh T, bà Lê Thanh H4, bà Lê Kim H2 và bà Lê Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Kim H2 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003171 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thanh H4 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003170 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thanh T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003169 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thanh N2 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003168 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thanh T1 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003167 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Hoàn trả lại cho ông Lê Bé N 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003166 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Bằng